

Số: 12/CV-DPC/TK/2022

"V/v: CBTT Thông báo nộp tiền thuê đất bổ sung các năm 2019, 2020 và 2021 của Cục thuế TP Đà Nẵng"

Đà Nẵng, ngày 25 tháng 03 năm 2022

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Công ty: Công ty cổ phần Nhựa Đà Nẵng
Mã chứng khoán: DPC
Trụ sở chính: Lô Q, đường số 4 và số 7, KCN Liên Chiểu, P. Hoà Hiệp Bắc,
Q. Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng.
Điện thoại: 0236.3714 642

Người được ủy quyền công bố thông tin: Nguyễn Hữu Tuyền.

Loại công bố thông tin: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung công bố thông tin:

Công bố thông tin Thông báo số 894/TB-CTDAN ngày 22/03/2022 của Cục thuế thành phố Đà Nẵng về việc phải nộp tiền thuê đất bổ sung năm 2019, 2020 và 2021 tại 02 khu đất số 353 và 371 đường Trần Cao Vân, phường Xuân Hà, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Ngày nhận được thông báo qua đường bưu điện: 24/03/2022.

Địa chỉ đăng tải các văn bản tại website: <http://danaplast.vn/cate/thong-tin-bat-thuong-26>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Trân trọng.

Nơi nhận:
- Như trên.
- Lưu:

Người được UQ CBTT

Nguyễn Hữu Tuyền

TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 894/TB-CTDAN

Đà Nẵng, ngày 22 tháng 03 năm 2022

THÔNG BÁO NỘP TIỀN
Về tiền thuê đất, thuê mặt nước theo hình thức nộp hàng năm

- Thông báo lần đầu
 Thông báo từ năm thứ hai trở đi
 Thông báo điều chỉnh, bổ sung

- Căn cứ Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ pháp luật về tiền thuê đất, thuê mặt nước và các văn bản hướng dẫn thi hành;

- Căn cứ Quyết định số 3557/QĐ-UBND ngày 20/8/2018 và số 3558/QĐ-UBND ngày 20/8/2018 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc gia hạn thời gian thuê đất cho Công ty Cổ phần Nhựa Đà Nẵng tại khu đất 371 Trần Cao Vân và 353 Trần Cao Vân, phường Xuân Hà, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng;

- Căn cứ hồ sơ và phiếu chuyển thông tin địa chính để xác định nghĩa vụ tài chính số 9513/PC-VPĐKĐĐ ngày 24/9/2018 và số 8880/PC-VPĐKĐĐ ngày 30/8/2018 của Văn phòng Đăng ký đất đai TP Đà Nẵng;

- Căn cứ Quyết định số 2133/QĐ-UBND ngày 14/5/2019 và số 2134/QĐ-UBND ngày 14/5/2019 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc thu hồi khu đất tại số 371 Trần Cao Vân và 353 Trần Cao Vân, phường Xuân Hà, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng do Công ty Cổ phần Nhựa Đà Nẵng đang sử dụng;

- Căn cứ Thông báo số 787/TB-CTDAN ngày 14/3/2022 và số 786/TB-CTDAN ngày 14/3/2022 của Cục Thuế thành phố Đà Nẵng về đơn giá thuê đất, thuê mặt nước;

- Căn cứ Thông báo số 1952/TB-CT ngày 04/5/2019, số 1394/TB-CT ngày 28/4/2020 và số 2850/TB-CTDAN ngày 30/9/2021 của Cục Thuế thành phố Đà Nẵng về việc tạm nộp tiền thuê đất các năm 2019, 2020 và 2021;

- Căn cứ Biên bản giao nhận mặt bằng ngày 19/01/2022 giữa Công ty Cổ phần Nhựa Đà Nẵng và các bên liên quan về việc bàn giao khu đất tại số 371 Trần Cao Vân và 353 Trần Cao Vân, phường Xuân Hà, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng;

Cục Thuế thành phố Đà Nẵng xác định và thông báo tiền thuê đất, thuê mặt nước phải nộp bổ sung năm 2019, 2020 và 2021 như sau:

I. THÔNG TIN VỀ NGƯỜI NỘP THUẾ

- Tên người nộp thuế: Công ty Cổ phần Nhựa Đà Nẵng
- Mã số thuế: 0400383300
- Địa chỉ: Lô Q, đường số 4 và số 7, KCN Liên Chiểu, phường Hòa Hiệp Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng

II. THÔNG TIN VỀ ĐẤT

1. Thửa đất thứ nhất

- Thửa đất số: 20, Tờ bản đồ số: 23.
- Địa chỉ: Đường Trần Cao Vân, phường Xuân Hà, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.
- Vị trí theo Bảng giá đất:
 - + Đường/đoạn đường/khu vực: Đường Trần Cao Vân, đoạn từ Tôn Thất Đạm đến Hà Huy Tập.
 - + Vị trí thửa đất: 1.
- Mục đích sử dụng đất: Đất thương mại dịch vụ.
- Nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.
- Thời hạn thuê đất: Đến ngày 31/12/2018.
- Diện tích đất thuê: 15.716,2 m².
- Diện tích phải nộp tiền thuê: 15.716,2 m².
- Diện tích không phải nộp tiền thuê: 0 m².

2. Thửa đất thứ hai

- Thửa đất số: 13, Tờ bản đồ số: 309.
- Địa chỉ: Đường Trần Cao Vân, phường Xuân Hà, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.
- Vị trí theo Bảng giá đất:
 - + Đường/đoạn đường/khu vực: Đường Trần Cao Vân, đoạn từ Tôn Thất Đạm đến Hà Huy Tập.
 - + Vị trí thửa đất: 1.
- Mục đích sử dụng đất: Đất thương mại dịch vụ.
- Nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.
- Thời hạn thuê đất: Đến ngày 31/12/2018.
- Diện tích đất thuê: 800,5 m².
- Diện tích phải nộp tiền thuê: 800,5 m².
- Diện tích không phải nộp tiền thuê: 0 m².

III. TÍNH THUẾ CỦA CƠ QUAN THUẾ

1. Thửa đất thứ nhất

- Diện tích: 15.716,2 m².
- Đơn giá thuê đất:
 - + Giai đoạn từ ngày 01/01/2019 đến ngày 10/02/2019: 106.503 đồng/m²/năm.
 - + Giai đoạn từ ngày 11/02/2019 đến ngày 04/5/2020: 539.809 đồng/m²/năm.
 - + Giai đoạn từ ngày 05/5/2020 đến ngày 07/4/2021: 391.825 đồng/m²/năm.
 - + Giai đoạn từ ngày 08/04/2021 đến ngày 19/01/2022: 342.867 đồng/m²/năm.
- Tổng số tiền thuê đất phải nộp bổ sung: 13.974.270.353 đồng (1). Trong đó:
 - + Năm 2019: 5.764.198.195 đồng.
 - + Năm 2020: 4.781.198.081 đồng.

+ Năm 2021: 3.428.874.077 đồng.

(Có bảng tính chi tiết kèm theo)

2. Thửa đất thứ hai

- Diện tích: 800,5 m².

- Đơn giá thuê đất:

+ Giai đoạn từ ngày 01/01/2019 đến ngày 10/02/2019: 175.636 đồng/m²/năm.

+ Giai đoạn từ ngày 11/02/2019 đến ngày 04/5/2020: 598.202 đồng/m²/năm.

+ Giai đoạn từ ngày 05/5/2020 đến ngày 07/4/2021: 516.058 đồng/m²/năm.

+ Giai đoạn từ ngày 08/04/2021 đến ngày 19/01/2022: 451.578 đồng/m²/năm.

- Tổng số tiền thuê đất phải nộp bổ sung: 717.787.667 đồng (2). Trong đó:

+ Năm 2019: 269.905.250 đồng.

+ Năm 2020: 254.256.677 đồng.

+ Năm 2021: 193.625.740 đồng.

(Có bảng tính chi tiết kèm theo)

3. Tổng cộng số tiền thuế phải nộp bổ sung năm 2019, năm 2020 và năm 2021 liên quan đến lô đất tại 371 Trần Cao Vân, phường Xuân Hà, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng; diện tích 15.716,2 m² và lô đất tại 353 Trần Cao Vân, phường Xuân Hà, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng; diện tích 800,5 m²

- Tổng số tiền thuê đất phải nộp bổ sung năm 2019, năm 2020 và năm 2021 = (1) + (2): 14.692.058.020 đồng, trong đó:

+ Năm 2019: 6.034.103.445 đồng.

+ Năm 2020: 5.035.454.758 đồng.

+ Năm 2021: 3.622.499.817 đồng.

- Tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng và các khoản giảm trừ khác (Nếu có): 0 đồng

- Miễn, giảm tiền thuê đất (Nếu có): 0 đồng

- Số tiền còn phải nộp ngân sách nhà nước: 14.692.058.020 đồng.

(Có bảng tính chi tiết kèm theo)

(Viết bằng chữ: Mười bốn tỷ, sáu trăm chín mươi hai triệu, năm mươi tám ngàn, hai mươi đồng)

- Thời hạn nộp tiền:

+ Nộp 50% tiền thuê đất, thuê mặt nước: Chậm nhất là 30 ngày, kể từ ngày ban hành thông báo.

+ Nộp 50% tiền thuê đất, thuê mặt nước còn lại: Chậm nhất là 90 ngày, kể từ ngày ban hành thông báo.

IV. THÔNG TIN NỘP NGÂN SÁCH (Người nộp thuế, ngân hàng, kho bạc nhà nước phải ghi đầy đủ các thông tin dưới đây trên chứng từ nộp tiền khi nộp tiền vào ngân sách nhà nước):

1. Tên người nộp thuế: Công ty Cổ phần Nhựa Đà Nẵng

2. Mã số thuế: 0400383300

3. Tài khoản thu ngân sách nhà nước của kho bạc nhà nước thành phố Đà Nẵng (Địa chỉ: 236 Bạch Đằng, thành phố Đà Nẵng; hoặc Ngân hàng công thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng (Địa chỉ: 172 Nguyễn Văn Linh, thành phố Đà Nẵng).

4. Tên cơ quan quản lý thu: Cục Thuế thành phố Đà Nẵng

5. Chương tương ứng của đơn vị; Tài khoản 7111

6. Nội dung kinh tế: Tiêu mục 3601 (Tiền thuê đất trả tiền hàng năm)

Trường hợp người nộp thuế chậm nộp tiền thuê đất, thuê mặt nước vào ngân sách nhà nước sau thời hạn nộp theo thông báo này thì ngoài số tiền thuê mặt đất, mặt nước phải nộp, người nộp thuế phải tự xác định số tiền chậm nộp (= số ngày chậm nộp x 0,03%/ngày); nộp đầy đủ tiền thuê mặt đất, mặt nước phải nộp và tiền chậm nộp vào ngân sách nhà nước.

Nếu có vướng mắc, đề nghị người nộp thuế liên hệ với Cục Thuế thành phố Đà Nẵng (Phòng quản lý hộ kinh doanh, cá nhân và thu khác) theo số điện thoại: 02363.822.200; địa chỉ: 190 Phan Đăng Lưu, thành phố Đà Nẵng để được hướng dẫn cụ thể.

Cục Thuế thành phố Đà Nẵng thông báo để Công ty Cổ phần Nhựa Đà Nẵng được biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Công ty Cổ phần Nhựa Đà Nẵng;
- (Đ/c: Lô Q, đường số 4 và số 7, KCN Liên Chiểu, P. Hòa Hiệp Bắc, Q. Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng)
- Phòng QLN&CCNT;
- Lưu: VT, HKDCN (02).



**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**

Trương Công Khoái



BẢNG TÍNH CHI TIẾT ĐIỀU CHỈNH TIỀN THUÊ ĐẤT PHẢI NỘP NĂM 2019

(Kèm theo Thông báo số: 894 /TB-CTDAN ngày 12 tháng 3 năm 2022 của Cục Thuế TP Đà Nẵng)

Tên đơn vị: Công ty Cổ phần Nhựa Đà Nẵng

Mã số thuế: 0400383300

Địa chỉ: Lô Q, đường số 4 và đường số 7, KCN Liên Chiểu, phường Hòa Hiệp Bắc, quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng

I/ Lô đất tại 371 Trần Cao Vân, phường Xuân Hà, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng, diện tích 15.716,2 m2

STT	Địa chỉ thửa đất thuê	Diện tích (m2)	Đơn giá theo Thông báo số 787/TB-CTDAN ngày 14/3/2022 của Cục Thuế thành phố Đà Nẵng (Đồng/m2/năm)	Tiền thuê đất phải nộp năm 2019 (Đồng)	Ghi chú
A	B	(1)	(2)	(3) = (((1)*(2))/12)*Số tháng tính tiền thuê đất	
1	371 Trần Cao Vân, phường Xuân Hà, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng	15.716,2	106.503	139.485.204	Tính 1 tháng
2	371 Trần Cao Vân, phường Xuân Hà, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng	15.716,2	539.809	7.776.767.355	Tính 11 tháng
Tổng cộng (I)				7.916.252.559	

II/ Lô đất tại 353 Trần Cao Vân, phường Xuân Hà, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng, diện tích 800,5 m2

STT	Địa chỉ thửa đất thuê	Diện tích (m2)	Đơn giá theo Thông báo số 786/TB-CTDAN ngày 14/3/2022 của Cục Thuế thành phố Đà Nẵng (Đồng/m2/năm)	Tiền thuê đất phải nộp năm 2019 (Đồng)	Ghi chú
A	B	(1)	(2)	(3) = (((1)*(2))/12)*Số tháng tính tiền thuê đất	
1	353 Trần Cao Vân, phường Xuân Hà, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng	800,5	175.636	11.716.385	Tính 1 tháng
2	353 Trần Cao Vân, phường Xuân Hà, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng	800,5	598.202	438.955.643	Tính 11 tháng
Tổng cộng (II)				450.672.027	
Tổng cộng (I) + (II)				8.366.924.587	

110



BẢNG TÍNH CHI TIẾT ĐIỀU CHỈNH TIỀN THUÊ ĐẤT PHẢI NỘP NĂM 2020

(Kèm theo Thông báo số: 89/TB-CTDAN ngày 12 tháng 3 năm 2022 của Cục Thuế TP Đà Nẵng)

Tên đơn vị: Công ty Cổ phần Nhựa Đà Nẵng

Mã số thuế: 0400383300

Địa chỉ: Lô Q, đường số 4 và đường số 7, KCN Liên Chiểu, phường Hòa Hiệp Bắc, quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng

I/ Lô đất tại 371 Trần Cao Vân, phường Xuân Hà, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng, diện tích 15.716,2 m²

STT	Địa chỉ thửa đất thuê	Diện tích (m ²)	Đơn giá theo Thông báo số 787/TB-CTDAN ngày 14/3/2022 của Cục Thuế thành phố Đà Nẵng (Đồng/m ² /năm)	Tiền thuê đất phải nộp năm 2020 (Đồng)	Ghi chú
A	B	(1)	(2)	(3) = (((1)*(2))/12)*Số tháng tính tiền thuê đất	
1	371 Trần Cao Vân, phường Xuân Hà, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng	15.716,2	539.809	2.827.915.402	Tính 4 tháng
2	371 Trần Cao Vân, phường Xuân Hà, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng	15.716,2	391.825	4.105.333.377	Tính 8 tháng
Tổng cộng (I)				6.933.248.779	

II/ Lô đất tại 353 Trần Cao Vân, phường Xuân Hà, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng, diện tích 800,5 m²

STT	Địa chỉ thửa đất thuê	Diện tích (m ²)	Đơn giá theo Thông báo số 786/TB-CTDAN ngày 14/3/2022 của Cục Thuế thành phố Đà Nẵng (Đồng/m ² /năm)	Tiền thuê đất phải nộp năm 2020 (Đồng)	Ghi chú
A	B	(1)	(2)	(3) = (((1)*(2))/12)*Số tháng tính tiền thuê đất	
1	353 Trần Cao Vân, phường Xuân Hà, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng	800,5	598.202	159.620.234	Tính 4 tháng
2	353 Trần Cao Vân, phường Xuân Hà, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng	800,5	516.058	275.402.953	Tính 8 tháng
Tổng cộng (II)				435.023.186	
Tổng cộng (I) + (II)				7.368.271.965	

ml



BẢNG TÍNH CHI TIẾT ĐIỀU CHỈNH TIỀN THUÊ ĐẤT PHẢI NỘP NĂM 2021

(Kèm theo Thông báo số: 894/TB-CTDAN ngày 22 tháng 8 năm 2022 của Cục Thuế TP Đà Nẵng)

Tên đơn vị: Công ty Cổ phần Nhựa Đà Nẵng

Mã số thuế: 0400383300

Địa chỉ: Lô Q, đường số 4 và đường số 7, KCN Liên Chiểu, phường Hòa Hiệp Bắc, quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng.

I/ Lô đất tại 371 Trần Cao Vân, phường Xuân Hà, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng, diện tích 15.716,2 m²

STT	Địa chỉ thửa đất thuê	Diện tích (m ²)	Đơn giá theo Thông báo số 787/TB-CTDAN ngày 14/3/2022 của Cục Thuế thành phố Đà Nẵng (Đồng/m ² /năm)	Tiền thuê đất phải nộp năm 2020 (Đồng)	Ghi chú
A	B	(1)	(2)	(3) = (((1)*(2))/12)*Số tháng tính tiền thuê đất	
1	371 Trần Cao Vân, phường Xuân Hà, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng	15.716,2	391.825	1.539.500.016	Tính 3 tháng
2	371 Trần Cao Vân, phường Xuân Hà, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng	15.716,2	342.867	4.041.424.759	Tính 9 tháng
Tổng cộng (I)				5.580.924.775	

II/ Lô đất tại 353 Trần Cao Vân, phường Xuân Hà, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng, diện tích 800,5 m²

STT	Địa chỉ thửa đất thuê	Diện tích (m ²)	Đơn giá theo Thông báo số 786/TB-CTDAN ngày 14/3/2022 của Cục Thuế thành phố Đà Nẵng (Đồng/m ² /năm)	Tiền thuê đất phải nộp năm 2020 (Đồng)	Ghi chú
A	B	(1)	(2)	(3) = (((1)*(2))/12)*Số tháng tính tiền thuê đất	
1	353 Trần Cao Vân, phường Xuân Hà, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng	800,5	516.058	103.276.107	Tính 3 tháng
2	353 Trần Cao Vân, phường Xuân Hà, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng	800,5	451.578	271.116.142	Tính 9 tháng
Tổng cộng (II)				374.392.249	
Tổng cộng (I) + (II)				5.955.317.024	

MU

BẢNG TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH TIỀN THUÊ ĐẤT PHẢI NỘP BỔ SUNG NĂM 2019, NĂM 2020 VÀ NĂM 2021

(Kèm theo Thông báo số: 89A /TB-CTDAN ngày 3 tháng 3 năm 2022 của Cục Thuế TP Đà Nẵng)

Tên đơn vị: Công ty Cổ phần Nhựa Đà Nẵng

Mã số thuế: 0400383300

Địa chỉ: Lô Q, đường số 4 và đường số 7, KCN Liên Chiểu, phường Hòa Hiệp Bắc, quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng

I/ Tiền thuê đất phải nộp bổ sung năm 2019

STT	Vị trí thửa đất	Diện tích lô đất (m ²)	Số tiền thuê đất phải nộp sau khi tính lại đơn giá mới (Đồng)	Số tiền thuê đất phải nộp theo TB số 1952/TB-CT ngày 04/5/2019 của Cục Thuế TP Đà Nẵng (Đồng)	Chênh lệch tiền thuê đất phải nộp sau khi tính lại đơn giá mới (Đồng)	Tiền thuê đất được giảm (Đồng)	Tiền thuê đất đã nộp đến ngày 31/12/2019 (Đồng)	Chênh lệch tiền thuê đất còn phải nộp bổ sung năm 2019 sau khi điều chỉnh đơn giá mới (Đồng)	Ghi chú
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3)-(4)	(6)	(7)	(8)=(3)-(6)-(7)	
1	371 Trần Cao Vân, phường Xuân Hà, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng	15.716,2	7.916.252.559	2.152.054.364	5.764.198.195	-	2.152.054.364	5.764.198.195	
2	353 Trần Cao Vân, phường Xuân Hà, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng	800,5	450.672.027	180.766.777	269.905.250	-	180.766.777	269.905.250	
Tổng cộng (I)			8.366.924.586	2.332.821.141	6.034.103.445	0	2.332.821.141	6.034.103.445	

II/ Tiền thuê đất phải nộp bổ sung năm 2020

STT	Vị trí thửa đất	Diện tích lô đất (m ²)	Số tiền thuê đất phải nộp sau khi tính lại đơn giá mới (Đồng)	Số tiền thuê đất phải nộp theo TB số 1394/TB-CT ngày 28/4/2020 của Cục Thuế TP Đà Nẵng (Đồng)	Chênh lệch tiền thuê đất phải nộp sau khi tính lại đơn giá mới (Đồng)	Tiền thuê đất được giảm (Đồng)	Tiền thuê đất đã nộp đến ngày 31/12/2020 (Đồng)	Chênh lệch tiền thuê đất còn phải nộp bổ sung năm 2020 sau khi điều chỉnh đơn giá mới (Đồng)	Ghi chú
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3)-(4)	(6)	(7)	(8)=(3)-(6)-(7)	
1	371 Trần Cao Vân, phường Xuân Hà, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng	15.716,2	6.933.248.779	2.152.050.698	4.781.198.081	-	2.152.050.698	4.781.198.081	
2	353 Trần Cao Vân, phường Xuân Hà, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng	800,5	435.023.186	180.766.509	254.256.677	-	180.766.509	254.256.677	
Tổng cộng (II)			7.368.271.965	2.332.817.207	5.035.454.758	0	2.332.817.207	5.035.454.758	

III/ Tiền thuê đất phải nộp bổ sung năm 2021

STT	Vị trí thửa đất	Diện tích lô đất (m ²)	Số tiền thuê đất phải nộp sau khi tính lại đơn giá mới (Đồng)	Số tiền thuê đất phải nộp theo TB số 2850/TB-CTĐAN ngày 30/9/2021 của Cục Thuế TP Đà Nẵng (Đồng)	Chênh lệch tiền thuê đất phải nộp sau khi tính lại đơn giá mới (Đồng)	Tiền thuê đất được giảm theo Quyết định số 27/2021/QĐ-TTg ngày 25/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ (Đồng)	Tiền thuê đất đã nộp đến ngày 31/12/2021 (Đồng)	Chênh lệch tiền thuê đất còn phải nộp bổ sung năm 2021 sau khi điều chỉnh đơn giá mới (Đồng)	Ghi chú
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3)-(4)	(6)= (3)*30%	(7)	(8)=(3)-(6)-(7)	
1	371 Trần Cao Vân, phường Xuân Hà, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng	15.716,2	5.580.924.775	2.152.050.698	3.428.874.077	-	2.152.050.698	3.428.874.077	
2	353 Trần Cao Vân, phường Xuân Hà, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng	800,5	374.392.249	180.766.509	193.625.740	-	180.766.509	193.625.740	
Tổng cộng (III)			5.955.317.024	2.332.817.207	3.622.499.817	0	2.332.817.207	3.622.499.817	

IV/ Tổng tiền thuê đất phải nộp bổ sung năm 2019, năm 2020 và năm 2021

STT	Hạng mục	Số tiền thuê đất phải nộp bổ sung (Đồng)		
		Lô đất tại 371 Trần Cao Vân, phường Xuân Hà, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng; diện tích 15.716,2 m ²	353 Trần Cao Vân, phường Xuân Hà, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng; diện tích 800,5 m ²	Tổng cộng cả hai lô đất
1	Tiền thuê đất phải nộp bổ sung năm 2019	5.764.198.195	269.905.250	6.034.103.445
2	Tiền thuê đất phải nộp bổ sung năm 2020	4.781.198.081	254.256.677	5.035.454.758
3	Tiền thuê đất phải nộp bổ sung năm 2021	3.428.874.077	193.625.740	3.622.499.817
Tổng cộng (IV) = (I) + (II) + (III)		13.974.270.353	717.787.667	14.692.058.020

Ghi chú:

Thời gian tính tiền thuê đất được quy định tại khoản 3.a,b Điều 7 Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài Chính

3.a/ Nếu số ngày thuê đất từ 15 ngày trở lên đến đủ tháng (≥ 15 ngày) thì tính tròn 1 tháng.

3.b/ Nếu số ngày thuê đất dưới 15 ngày (≤ 15 ngày) thì không tính tiền thuê đất.

NGƯỜI LẬP

Bian

Đặng Thị Bích Vân

Đà Nẵng, ngày ...*22*... tháng ...*2*... năm 2022

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ PHÒNG

ND

Dương Đình Hạng